

---

# CHÍNH SÁCH THUẾ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN CHO VIỆT NAM

**Trần Quang Phú\***

*Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

*Email: tranquangphu.mr@gmail.com*

**Nguyễn Hoàng Long**

*Bộ Ngoại giao*

*Email: nhl1201@gmail.com*

**Dương Thị Thủy**

*Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước - Bộ Tài Chính*

*Email: duongthuy1692@gmail.com*

Mã bài: JED-2180

Ngày nhận bài: 27/12/2024

Ngày nhận bài sửa: 06/03/2025

Ngày duyệt đăng: 30/03/2025

DOI: 10.33301/JED.VI.2180

## **Tóm tắt**

*Quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia rộng rãi ở nhiều cấp độ và từ nhiều bên liên quan, có thể được thúc đẩy bởi các can thiệp chính sách phù hợp. Với vai trò là một nước đang phát triển Việt Nam đã sớm xây dựng khung chính sách bao trùm các lĩnh vực hướng tới đổi mới cách thức toàn diện phương thức sản xuất từ nâu sang xanh mà trong đó mô hình kinh tế tuần hoàn là một trọng tâm. Nghiên cứu này thực hiện phân tích nội dung và phân tích khái niệm để đưa ra một khung thuế xuất được áp dụng trong suốt vòng đời của sản phẩm để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ở các nước đang phát triển. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các gợi ý chính sách cho Việt Nam gồm việc hoàn thiện thuế tài nguyên nguyên khai, miễn giảm thuế cho tái sử dụng/sửa chữa, thuế phân cấp xử lý chất thải ở giai đoạn cuối vòng đời sản phẩm.*

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn, khung chính sách thuế, thuế tài nguyên, thuế tái sử dụng, thuế phân cấp xử lý chất thải.

**JEL code:** H2, F38, G28, I18, Q52

## **Circular Economy Tax Policy for Vietnam**

### **Abstract**

*The transition to a circular economy is a complex process, requiring broad engagement at many levels and from many stakeholders, which can be driven by policy interventions. Fit. As a developing country, Vietnam has soon built a policy framework covering all fields aimed at comprehensively innovating production methods from brown to green, in which the circular economy model is a focus. This study presents an export tax framework applied throughout the product life cycle to promote circular economy development in developing countries. This framework includes natural resources tax, tax exemptions for reuse/repair, and a decentralized tax on waste treatment at the end of the product life cycle.*

**Keywords:** Circular economy, tax policy framework, resource tax, reuse tax, waste decentralization tax.

**JEL code:** H2, F38, G28, I18, Q52.

---

## 1. Giới thiệu

Trong vài thập kỷ qua, nền kinh tế toàn cầu ngày càng mở rộng đã gây áp lực lên tài nguyên thiên nhiên của Trái Đất, làm dấy lên mối lo ngại về các tác động môi trường tiêu cực ngày càng tăng và nguy cơ cạn kiệt tài nguyên (Hashimoto & cộng sự, 2012). Để giảm thiểu nguy cơ khai thác quá mức tài nguyên và các thiệt hại môi trường liên quan, việc thúc đẩy sử dụng vật liệu theo mô hình kinh tế tuần hoàn (bao gồm giảm lượng vật liệu đầu vào, tái sử dụng và tái chế) là rất cần thiết nhằm giảm thiểu rác thải và giảm sự phụ thuộc của nền kinh tế vào việc khai thác nguyên liệu thô cơ bản (Allwood & cộng sự, 2011).

Với nguồn gốc từ sinh thái công nghiệp và kinh tế môi trường, kinh tế tuần hoàn không phải là một khái niệm được định nghĩa cố định mà tuân theo một số nguyên tắc bao gồm: giảm tổng lượng vật liệu sử dụng; tái sử dụng sản phẩm bằng cách kéo dài vòng đời thông qua sửa chữa, làm mới và tái sản xuất; tái chế; và thu hồi vật liệu trong các quy trình sản xuất và sử dụng (Kirchherr & cộng sự, 2017).

Các mô hình kinh tế tuần hoàn được triển khai ở nhiều cấp độ, từ cấp vi mô (sản phẩm, công ty, khách hàng), cấp trung (khu công nghiệp, các ngành kinh tế) đến cấp vĩ mô (khu vực, quốc gia và hơn thế nữa) (Ghisellini & cộng sự, 2016). Việc chuyển đổi từ nền kinh tế phi tuần hoàn sang kinh tế tuần hoàn là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tham gia đa cấp độ và đa bên liên quan từ tất cả các thành phần trong xã hội (Ekvall & cộng sự, 2016). Do đó, việc sử dụng chỉ một công cụ chính sách riêng lẻ có thể không đủ để tạo ra sự thay đổi mang tính hệ thống của nền kinh tế.

Một cách tiếp cận phức hợp hơn là cần thiết để phát triển một tập hợp chính sách nhằm giải quyết các khía cạnh đa chiều của quá trình chuyển sang kinh tế tuần hoàn tại các nước đang phát triển. Công cụ chính sách mà chính phủ có thể sử dụng để tạo điều kiện cho kinh tế tuần hoàn bao gồm 03 loại chính: chính sách hành chính (cấm theo quy định, tiêu chuẩn, mục tiêu), chính sách kinh tế (chính sách thuế quan, trợ cấp) và chính sách thông tin (nhãn hiệu, chứng nhận, chiến dịch tuyên truyền). Những công cụ này có thể mang tính bắt buộc hoặc tự nguyện (Milios, 2018).

Với chính sách thuế, một điển hình trong việc triển khai được Ủy ban Châu Âu (EU) thực hiện theo hướng áp dụng phương pháp tiếp cận theo vòng đời trong việc thiết kế các đề xuất chính sách. Trong Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn của EU, nhiều công cụ chính sách ở các giai đoạn khác nhau của vòng đời sản phẩm được khuyến khích áp dụng rộng rãi như thuế môi trường bao gồm cả thuế rác thải, mức thuế giá trị gia tăng (VAT) (Hartley & cộng sự, 2020).

Nghiên cứu này dựa trên phương pháp tổng hợp hướng tới việc dựa trên các nghiên cứu trước đây từ đó phát triển một khung chính sách thuế cho kinh tế tuần hoàn, dựa trên các loại thuế liên quan đến tài nguyên, sản phẩm và chất thải. Khung này căn cứ trên các giai đoạn khác nhau trong vòng đời sản phẩm, từ khai thác tài nguyên và đầu vào đến xử lý chất thải cuối vòng đời để xây dựng chính sách. Với cách tiếp cận này, khung chính sách thuế sẽ tương thích với các phương pháp tiếp cận trong phát triển chính sách kinh tế tuần hoàn và có thể được chính phủ thực hiện một cách toàn diện hoặc từng phần, tùy thuộc vào giai đoạn vòng đời của sản phẩm.

## 2. Cơ sở lý thuyết khung chính sách thuế cho kinh tế tuần hoàn

Khung chính sách thuế cho kinh tế tuần hoàn là một cách tiếp cận chính sách tài khóa toàn diện, nhắm đến từng giai đoạn trong vòng đời của sản phẩm với các biện pháp can thiệp chính sách khác nhau. Khung này bao gồm 03 giai đoạn chính của vòng đời sản phẩm: 1) Giai đoạn sản xuất; 2) Giai đoạn sử dụng sản phẩm; 3) Giai đoạn xử lý chất thải cuối vòng đời (Milios, 2021). Đối với mỗi giai đoạn, một chính sách thuế khác nhau được áp dụng để phản ánh mong muốn của chính phủ về hiệu quả sử dụng tài nguyên.

### 2.1. Chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất

Trong giai đoạn sản xuất, chính sách thuế tài nguyên được đề xuất. Thuế này có thể được áp dụng tại các giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất: Giai đoạn 1: khai thác tài nguyên thô; Giai đoạn 2: đưa nguyên liệu vào sử dụng công nghiệp lần đầu; Giai đoạn 3: tiêu thụ cuối cùng của các sản phẩm có chứa hàm lượng nguyên liệu (Eckermann & cộng sự, 2015). Từ góc độ tài chính công, chính sách thuế tài nguyên tạo động lực cả về tài chính lẫn môi trường cho các quốc gia (Domenech & Bahn-Walkowiak, 2019). Về mặt tài chính, chính sách thuế tài nguyên là một cách giải quyết các thất bại thị trường khi mà các lực lượng thị trường không thể phản ánh chính xác các chi phí ngoại tác về môi trường và xã hội của việc khai thác và sử dụng tài nguyên (Söderholm & Tilton, 2012). Ngoài ra, nó cũng có thể được coi là một phương pháp để thúc

---

đẩy các doanh nghiệp sử dụng các nguyên liệu tái chế hoặc nguyên liệu thứ cấp thay vì nguyên liệu nguyên khai trong hoạt động sản xuất.

## **2.2. Chính sách giảm thuế VAT để thúc đẩy tái sử dụng sản phẩm**

Trong giai đoạn sử dụng sản phẩm, chính sách giảm thuế VAT cho các hoạt động tái sử dụng, sửa chữa được đề xuất. Đây chính sách thuế được sử dụng rộng rãi để khuyến khích việc triển khai các dịch vụ tái sử dụng, sửa chữa các sản phẩm đã qua sử dụng, thúc đẩy sự lựa chọn người tiêu dùng với các sản phẩm cũ. Thuế VAT giảm có thể giúp các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng, qua đó hỗ trợ mục tiêu tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên của nền kinh tế. Chính sách giảm thuế VAT góp phần vào việc tạo việc làm, đặc biệt ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), vốn chiếm phần lớn số lượng doanh nghiệp tại EU (Rizos & cộng sự, 2016). Bằng cách kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, Chính sách giảm thuế VAT có thể tiết kiệm đáng kể chi phí sử dụng vật liệu và năng lượng và bù đắp một phần cho sản xuất hàng tiêu dùng mới (International Resource Panel, 2018).

## **2.3. Chính sách thuế trong giai đoạn xử lý chất thải**

Trong giai đoạn cuối vòng đời của sản phẩm, một loại “thuế phân cấp xử lý chất thải” được sử dụng. Đây là một loại thuế lũy tiến theo nguyên tắc phân cấp xử lý chất thải, với mức thuế giảm dần từ chôn lấp mức cao nhất đến tái chế mức thấp nhất. Chính sách thuế này nhằm khuyến khích việc chuyển hướng rác thải từ các phương án xử lý có hại như chôn lấp hoặc đốt rác sang các phương án thân thiện hơn với môi trường như tái chế hoặc tái sử dụng. Một số quốc gia thành viên EU đã áp dụng chính sách thuế này và đạt được kết quả tích cực trong việc giảm lượng rác thải được đưa vào các bãi chôn lấp. Đánh giá hiệu quả quản lý chất thải trong giai đoạn 2001–2010 tại các quốc gia thành viên EEA (2013) cho rằng rằng thuế chôn lấp chất thải đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện năng lực quản lý chất thải và giúp giảm đáng kể lượng chất thải khỏi các bãi chôn lấp để xử lý theo hướng thân thiện hơn với môi trường. Chính sách này phù hợp với nguyên tắc quản lý chất thải theo hướng phân cấp xử lý.

## **3. Thực trạng chính sách thuế thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn**

Trong hơn 40 năm qua, cải cách chính sách thuế luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình cải cách và chuyển đổi cơ chế kinh tế của Việt Nam với tư cách là một nền kinh tế đang chuyển đổi. Đối với lĩnh vực phát triển kinh tế tuần hoàn ở giai đoạn đầu các chính sách thuế nằm trong một hệ thống thuế liên quan tới bảo vệ môi trường được ban hành từ cách đây khoảng 15 năm. Luật Thuế BVMT số 57/2010/QH12 đã đánh dấu sự thay đổi căn bản trong cách thức sử dụng các công cụ kinh tế cho mục tiêu bảo vệ môi trường. Các chính sách thuế đã hướng vào các đối tượng gây ô nhiễm môi trường nhằm thay đổi nhận thức và thái độ của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân đối với môi trường đồng thời huy động thêm nguồn lực tài chính để khôi phục hệ sinh thái, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (Nguyễn Việt Lợi & Gebauer, 2020).

### **3.1. Chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất tại Việt Nam**

Đây là chính sách thuế đóng vai trò quan trọng trong khung chính sách thuế phát triển kinh tế tuần hoàn. Chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất như đã đề cập tập trung vào giai đoạn khai thác tài nguyên thô, đưa nguyên liệu vào sử dụng công nghiệp lần đầu và tiêu thụ cuối cùng của các sản phẩm có chứa hàm lượng nguyên liệu. Tại Việt Nam, chính sách thuế này được áp dụng cho các đối tượng gồm: Khoáng sản kim loại, Khoáng sản không kim loại, dầu thô, khí thiên nhiên, khí than, sản phẩm của rừng tự nhiên, trừ động vật, hải sản tự nhiên, bao gồm động vật và thực vật biển, Nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất, được quy định tại Luật Thuế tài nguyên (Quốc hội, 2009). Luật cũng đã quy định rõ thuế tài nguyên là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm tài nguyên thiên nhiên được khai thác nhằm bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên, khuyến khích tinh chế tài nguyên. Chính sách thuế các sản phẩm có chứa hàm lượng nguyên liệu được đưa ra tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 trong đó áp dụng riêng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng xăng sinh học xăng E5 là 8%, xăng E10 là 7%, thực hiện từ ngày 01/01/2016. Đây là mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 10% áp dụng đối với xăng thông thường.

### **3.2. Chính sách thuế trong giai đoạn sử dụng**

Tại Việt Nam chính sách thuế hướng vào khuyến khích các hoạt động tái sử dụng, sửa chữa được đề xuất ít và không nằm trong một văn bản nhất quán mà rải rác trong các sắc thuế gắn với hoạt động sử dụng năng

---

lượng sinh học, các phương tiện sử dụng trong hoạt động tái chế. Cụ thể, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2016) đã quy định ưu đãi thuế đối với loại sản phẩm ít gây hại đến môi trường như xe ô tô chạy bằng năng lượng điện, năng lượng sinh học với mức thuế suất chỉ bằng 50 - 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng chủng loại nhưng chạy bằng xăng (Quốc hội, 2008). Bên cạnh đó, dịch vụ sửa chữa được giảm thuế GTGT từ 10% xuống còn 8% từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 (Chính phủ, 2023). Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (Quốc hội, 2016) quy định về miễn thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành quy định ưu đãi thuế suất 10% cho suốt đời dự án đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường; miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực môi trường.

### **3.3. Chính sách thuế trong giai đoạn xử lý chất thải**

Chính sách thuế trong giai đoạn xử lý chất thải tại Việt Nam không được triển khai theo đúng như khung lý thuyết đã trình bày ở trên ở chỉ được áp dụng trong hoạt động chôn lấp chất thải. Căn cứ theo Theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP *hoạt động chôn lấp chất thải phải thực hiện Ký quỹ bảo vệ môi trường* (Chính phủ, 2022). Quy định này yêu cầu tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới bãi chôn lấp chất thải phải gửi một khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi đóng bãi theo phương án cải tạo môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định.

## **4. Thảo luận chính sách**

Như vậy, về nội dung chính sách thuế thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất vẫn chiếm vai trò chủ đạo. Vấn đề này là do những khó khăn trong việc thống nhất về cách thức triển khai quy định về phát triển kinh tế tuần hoàn theo một hệ thống từ đầu vào nguyên liệu, hoạt động sản xuất, tiêu dùng tới đầu cuối trong việc xử lý chất thải. Trong 03 chính sách thuế nêu trên rõ ràng việc ban hành chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất sẽ thuận lợi hơn bởi lẽ nó trực diện và có thể đưa ra những tỷ lệ rõ ràng cho việc đảm bảo đa mục tiêu đó là hạn chế khai thác tài nguyên thô, khuyến khích việc tinh chế tài nguyên và tăng ngân sách cho nhà nước để có thể thực hiện các mục tiêu về duy trì hiện trạng môi trường. Chính sách thuế trong giai đoạn sử dụng dù không có được những ưu việt như chính sách thuế trong giai đoạn sản xuất nhưng có thể dễ áp dụng và đa dạng hóa được các loại hình thuế. Đồng thời, các loại thuế thuộc chính sách thuế này có một ưu điểm là có thể khuyến khích được khu vực kinh tế tư nhân đưa các dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường. Thực tế ở Việt Nam các ưu đãi thuế đối với loại sản phẩm ít gây hại đến môi trường như xe ô tô chạy bằng năng lượng điện, pin năng lượng mặt trời đã khuyến khích các tập đoàn lớn như Vin group, Trung Nam group tham gia và lĩnh vực này. Đối với chính sách thuế ở giai đoạn xử lý chất thải, các sắc thuế ở Việt Nam thiên về hướng bảo vệ môi trường bằng việc đưa ra những mức thuế phí cao đối với hoạt động xả thải ra môi trường, thậm chí đưa vào các khung xử phạt hình sự. Tuy nhiên, các sắc thuế để khuyến khích hoạt động chuyển đổi hình thức xử lý chất thải như khung lý thuyết đã nêu thì còn rất ít và rải rác gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực thi. Theo quan điểm của tác giả, chính sách này cần tập trung hoàn thiện trong thời gian tới vì thực tế việc chuyển đổi từ các hình thức xử lý chất thải truyền thống như chôn lấp sang xử lý theo hình thức tái chế sẽ tốn rất nhiều nguồn lực về tài chính và công nghệ. Điều này đòi hỏi Chính phủ phải đưa ra các chính sách thuế có tính ưu việt mới có thể thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

## **5. Kết luận**

Sự chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn trong thế kỷ XXI là một quá trình phức tạp đòi hỏi sự tham gia rộng rãi của nhiều cấp độ và nhiều bên liên quan từ mọi thành phần của xã hội từ Trung ương tới địa phương, từ doanh nghiệp tới mỗi người dân (Ekvall & cộng sự, 2016). Do đó, việc chính phủ hiện thực hóa sự chuyển đổi mang tính hệ thống này bằng cách sử dụng một công cụ chính sách riêng lẻ là không *đầy đủ*. Nếu Chính phủ Việt Nam chỉ áp dụng một chính sách thuế trong một giai đoạn cụ thể mà không áp dụng *đồng bộ trong vòng đời sản xuất của hàng hóa* sẽ không giải quyết được vấn đề một cách toàn diện *đó là thúc đẩy phát triển tuần hoàn*. Do đó, Chính phủ Việt Nam cần tiếp cận một cách đa dạng hơn bằng cách xây dựng sự kết hợp các chính sách thuế ở cả 03 giai đoạn sản xuất, sử dụng và xử lý chất thải nhằm mục tiêu vào các khía cạnh đa chiều của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn.

---

## Tài liệu tham khảo

- Allwood, J.M., Ashby, M.F., Gutowski, T.G., & Worrell, E. (2011). Material efficiency: a white paper. *Resources Conservation and Recycling*, 55(2011), 362–381. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2010.11.002>.
- Chính phủ (2023). Nghị định số 44/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15. Ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Chính phủ (2022). Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ngày 10 tháng 1 năm 2022.
- Domenech, T. & Bahn-Walkowiak, B. (2019). Transition towards a resource-efficient circular economy in Europe: policy lessons from the EU and the Member States. *Ecological Economics*, 155, 7–19. <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2017.11.001>.
- Ekvall, T., Hirschnitz-Garbers, M., Eboli, F., & Śniegocki, A. (2016). A systemic and systematic approach to the development of a policy mix for material resource efficiency. *Sustainability*, 8(4), 373. <https://doi.org/10.3390/su8040373>.
- Eckermann, F., Golde, M., Herczeg, M., Mazzanti, M., Zoboli, R., & Speck, S. (2015). Material resource taxation – an analysis for selected material resources. In: European Topic Centre on Sustainable Consumption and Production & European Topic Centre on Waste and Materials in a Green Economy, Copenhagen.
- EEA (2013). Managing municipal solid waste—a review of achievements in 32 European countries [Report No 2/2013]. European Environment Agency, Copenhagen.
- Ghisellini, P., Cialani, C., & Ulgiati, S. (2016). A review on circular economy: the expected transition to a balanced interplay of environmental and economic systems. *Journal of Cleaner Production*, 114, 11–32.
- Hashimoto, S., Fischer-Kowalski, M., Sangwon, M., & Xuemei, B. (2012). Greening growing giants: a major challenge of our planet. *Journal of Industrial Ecology*, 16, 459–466. <https://doi.org/10.1111/j.1530.9290.2012.00522.x>.
- Hartley, K., van Santen, R., & Kirchherr, J. (2020). Policies for transitioning towards a circular economy: expectations from the European Union (EU). *Resources Conservation and Recycling*, 155, 104634. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2019.104634>.
- International Resource Panel (2018). Re-defining value – the manufacturing revolution. Remanufacturing, refurbishment. In: Repair and direct reuse in the circular economy, United Nations Environment Programme, Nairobi.
- Söderholm, Patrik & Tilton, John E. (2012). Material efficiency: An economic perspective. *Resources, Conservation & Recycling*, 61(C), 75-82. <https://doi:10.1016/j.resconrec.2012.01.003>.
- Kirchherr, J., Reike, D., & Hekkert, M. (2017). Conceptualizing the circular economy: an analysis of 114 definitions. *Resources Conservation and Recycling*, 127, 221–232. <https://doi:10.2139/ssrn.3037579>.
- Nguyễn Việt Lợi & Gebauer, Henri Pierre (2020). Công cụ tài chính cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Milios, L. (2018). Advancing to a circular economy: three essential ingredients for a comprehensive policy mix. *Sustainability Science*, 13(3), 861–878.
- Milios, L. (2021). Towards a Circular Economy Taxation Framework: Expectations and Challenges of Implementation. *Circular Economy and Sustainability*, 1, 477–498. <https://doi.org/10.1007/s43615-020-00002-z>.
- Quốc hội Việt Nam (2008). Luật số 27/2008/QH12, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Ngày 14 tháng 11 năm 2008.
- Quốc hội Việt Nam (2009). Luật số 45/2009/QH12, Luật thuế Tài Nguyên. Ngày 25 tháng 11 năm 2009.
- Quốc hội Việt Nam (2016). Luật số 107/2016/QH13, Luật Thuế xuất khẩu. Ngày 6 tháng 4 năm 2016.
- Rizos, V., Behrens, A., van der Gaast, W., Hofman, E., Ioannou, A., Kafyke, T., Flamos, A., Rinaldi, R., Papadelis, S., Hirschnitz-Garbers, M., & Topi, C. (2016). Implementation of circular economy business models by small and medium-sized enterprises (SMEs): barriers and enablers. *Sustainability*, 8(11), 1212. <https://doi:10.3390/su8111212>.

\* Tác giả liên hệ: Trần Quang Phú - Email: [tranquangphu.mr@gmail.com](mailto:tranquangphu.mr@gmail.com)